Chi tiết mã HS 8414.59.50

Mã HS	8414.59.50
Mô tả hàng hóa	Bơm không khí hoặc bơm chân không, máy nén không khí hoặc chất khí khác và quạt; nắp chụp hút tuần hoàn gió hoặc thông gió có kèm theo quạt, có hoặc không lắp bộ phận lọc; tủ an toàn sinh học kín khí, có hoặc không lắp bộ phận lọc / - Quạt: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Máy thổi khí (SEN)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 00:00:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84145950/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13188
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13188
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13188
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, LA, PH)	0% (trừ KH, LA, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	7.5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12472
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12415
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12415
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12415
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12415
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12415
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12415
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12469
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12469
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12469

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12469
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12469
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12469
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12470
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12470
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12470
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12470
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12470
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12470
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12471
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12421
AIFTA	30/12/2022	2022	8	AI!F12427
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	7.5	AI!G12427
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	7.5	AI!H12427
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	7.5	AI!I12427
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	7.5	AI!J12427
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	7.5	AI!K12427
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12460
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12460
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12460
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12460
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12460
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12460
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12507
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12507
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12507

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12507
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12507
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12507
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12492
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12492
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12492
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12492
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12492
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12492
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D12492
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E12492
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F12492
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G12492
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H12492
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I12492
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D12507
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E12507
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F12507
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12507
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12507
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12507
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D12506
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E12506
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F12506
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12506
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12506

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12506
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12486
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12486
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12486
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12486
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12486
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12486
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12486
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D12494
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E12494
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F12494
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G12494
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H12494
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I12494
RCEP B	2022	2022	9	B!D12494
RCEP B	2023	2023	8	B!E12494
RCEP B	2024	2024	7	B!F12494
RCEP B	2025	2025	6	B!G12494
RCEP B	2026	2026	5	B!H12494
RCEP B	2027	2027	4	B!I12494
RCEP C	2022	2022	9	C!D12494
RCEP C	2023	2023	8	C!E12494
RCEP C	2024	2024	7	C!F12494
RCEP C	2025	2025	6	C!G12494
RCEP C	2026	2026	5	C!H12494
RCEP C	2027	2027	4	C!I12494

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D12493
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E12493
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F12493
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G12493
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H12493
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I12493
RCEP E	2022	2022	9	E!D12497
RCEP E	2023	2023	8	E!E12497
RCEP E	2024	2024	7	E!F12497
RCEP E	2025	2025	6	E!G12497
RCEP E	2026	2026	5	E!H12497
RCEP E	2027	2027	4	E!I12497
RCEP F	2022	2022	9	F!D12494
RCEP F	2023	2023	8	F!E12494
RCEP F	2024	2024	7	F!F12494
RCEP F	2025	2025	6	F!G12494
RCEP F	2026	2026	5	F!H12494
RCEP F	2027	2027	4	F!I12494
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F11564
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G11564
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H11564
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I11564

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8414.59 có 9 dòng thuế; dòng 8414.59.50 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy thổi khí (SEN).	8414.59.10 Quạt, loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để làm mát bộ vi xử lý, thiết bị viễn thông, máy xử lý dữ liệu tự động hoặc các khối chức năng của máy xử lý dữ liệu tự động (SEN); 8414.59.20 Quạt gió phòng nổ, loại sử dụng trong hầm lò; 8414.59.30 Máy thổi khí (SEN); 8414.59.41 Có lưới bảo vệ; 8414.59.49 Loại khác; 8414.59.91 Có lưới bảo vệ	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8414.59.50 có mã Chương 98 tương ứng 9818.21.10 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - Máy thổi khí	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8414.59.50. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8414.59.50 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13188), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.